

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2017 đến 30/06/2017

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04 - 30
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	07 - 08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/04/2017 đến 31/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch	
Ông: Vũ Trọng Long	Thành viên	
Bà: Phạm Hồng Dung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/06/2017)
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên	
Ông: Phạm Mạnh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/06/2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/04/2016 đến 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/04/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.415.620.681.976	1.311.732.205.917
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	455.045.914.737	527.522.459.306
111	1. Tiền		104.139.914.737	79.478.691.841
112	2. Các khoản tương đương tiền		350.906.000.000	448.043.767.465
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	151.000.000.000	39.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		151.000.000.000	39.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		90.802.631.076	104.835.690.991
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	41.125.563.740	82.856.519.658
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		28.443.238.958	19.105.272.373
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	21.233.828.378	2.873.898.960
140	IV. Hàng tồn kho	08	713.104.572.860	639.750.624.155
141	1. Hàng tồn kho		713.104.572.860	639.750.624.155
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.667.563.303	423.431.465
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		311.962.556	418.668.128
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.924.979.436	1.763.337
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	430.621.311	3.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.321.145.942.800	3.332.144.129.653
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		229.750.000.000	252.750.000.000
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		229.750.000.000	252.750.000.000
220	II. Tài sản cố định		76.624.375.590	77.337.833.518
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	23.364.576.201	24.028.325.047
222	- Nguyên giá		52.080.175.059	52.080.175.059
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.715.598.858)	(28.051.850.012)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	53.259.799.389	53.309.508.471
228	- Nguyên giá		56.329.385.890	56.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.069.586.501)	(3.019.877.419)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	630.468.800.585	633.355.948.986
231	- Nguyên giá		656.324.100.544	656.324.100.544
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.855.299.959)	(22.968.151.558)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	09	5.951.371.356	658.147.271
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.951.371.356	658.147.271
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	2.376.680.138.712	2.367.048.823.933
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.332.730.138.712	2.323.098.823.933
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		43.950.000.000	43.950.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.671.256.557	993.375.945
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.370.597.800	173.112.800
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		300.658.757	820.263.145
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.736.766.624.776	4.643.876.335.570

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		169.060.925.461	216.034.676.367
310	I. Nợ ngắn hạn		123.309.543.291	170.283.294.197
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	12.985.844.266	42.907.293.281
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		43.321.115.644	53.959.067.341
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	30.987.098.571	33.160.898.612
314	4. Phải trả người lao động		43.450.050	15.217.517
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	13.520.291.474	29.380.502.604
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	4.929.065.152	8.374.633.250
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	12.385.082.071	2.348.085.529
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		5.000.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
330	II. Nợ dài hạn		45.751.382.170	45.751.382.170
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	45.751.382.170	45.751.382.170
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.567.705.699.315	4.427.841.659.203
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	4.567.705.699.315	4.427.841.659.203
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		937.730.893.194	797.867.217.389
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		681.159.052.927	107.634.355.778
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		256.571.840.267	690.232.861.612
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		34.666.121	34.301.813
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.736.766.624.776	4.643.876.335.570

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2017



Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/04/2017 đến 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	613.084.937.656	130.416.040.199
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		613.084.937.656	130.416.040.199
11	4. Giá vốn hàng bán	22	447.311.440.625	108.999.987.062
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		165.773.497.032	21.416.053.137
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	5.408.394.698	4.130.409.947
22	7. Chi phí tài chính		231.226.177	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		9.631.314.779	167.114.258.533
25	9. Chi phí bán hàng	24	1.971.019.079	1.273.552.627
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.875.914.743	4.747.509.374
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		172.735.046.510	186.639.659.616
31	12. Thu nhập khác		1.263.458.504	51.475.757
32	13. Chi phí khác		756	63.000
40	14. Lợi nhuận khác		1.263.457.748	51.412.757
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		173.998.504.258	186.691.072.373
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	32.353.833.508	3.915.362.768
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>141.125.066.362</u>	<u>182.775.709.605</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		141.124.702.055	182.613.282.545
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	19	364.307	162.427.060
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	<u>389</u>	<u>1.522</u>

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/04/2017 đến 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>		173.998.504.258	186.691.072.373
	<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		(11.429.190.428)	(168.866.006.742)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.600.606.329	2.378.661.738
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.029.796.757)	(171.244.668.480)
08	<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>		162.569.313.830	17.825.065.631
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		31.980.725.706	(483.173.962.586)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(73.353.948.705)	(11.770.501.918)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(52.828.710.067)	(86.706.756.352)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.090.779.428)	58.393.937
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.498.874.347)	(74.975.646.584)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.261.026.250)	-
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		34.516.700.739	(638.743.407.872)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.293.224.085)	(4.013.831.352)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(151.000.000.000)	(100.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		39.200.000.000	100.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.448.812.001.187)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.099.978.777	4.130.409.947
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(111.993.245.308)	(1.448.695.422.592)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.099.945.720.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		5.000.000.000	1.450.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		-	(5.032.870.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(9.600.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		5.000.000.000	2.096.353.250.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/04/2017 đến 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(72.476.544.569)	8.914.419.536
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		527.522.459.306	196.866.745.489
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>455.045.914.737</u>	<u>205.781.165.025</u>

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ 01/04/2017 đến 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; tương đương 362.994.014 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản và phương tiện vận tải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản);

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	99,997%	99,997%	Đầu tư bất động sản

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47,50%	47,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	45,00%	45,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	46,50%	46,50%	Buôn bán ô tô và động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, x máy, bảo dưỡng xe ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	36,58%	36,58%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc ngày 31/03 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Đầu tư vào Công ty Liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng năm không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	44 năm
--------------------------	--------

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
Tiền mặt	336.040.105	1.028.677.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	103.803.874.632	78.450.014.798
Các khoản tương đương tiền (*)	350.906.000.000	448.043.767.465
	455.045.914.737	527.522.459.306

Tại ngày 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4%/ năm đến 5,5%/ năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	151.000.000.000	151.000.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	151.000.000.000	151.000.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
	151.000.000.000	151.000.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000

(*) Tại ngày 30/06/2017, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 18 tháng có giá trị 151.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 6,2%/năm đến 7,5%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2017				01/04/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền	Giá trị ghi sổ	
		VND	biểu quyết		VND	biểu quyết		VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Tp Hải Phòng	47,50%	47,50%	271.222.578.510	47,50%	47,50%	269.019.481.193	
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Tp Hải Phòng	48,00%	48,00%	316.691.863.725	48,00%	48,00%	315.622.680.347	
- Công ty CP Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Tp Hải Phòng	48,00%	48,00%	135.632.684.620	48,00%	48,00%	135.273.082.297	
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Tp Hải Phòng	45,00%	45,00%	253.400.501.380	45,00%	45,00%	253.145.190.428	
- Công ty CP Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Tp Hải Phòng	46,50%	46,50%	224.767.368.163	46,50%	46,50%	224.200.608.463	
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Tp Hải Phòng	36,58%	36,58%	1.131.015.142.314	36,58%	36,58%	1.125.837.781.205	
				2.332.730.138.712			2.323.098.823.933	

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh 30.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	43.950.000.000	-	43.950.000.000	-
	43.950.000.000	-	43.950.000.000	-

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	6.624.215.000	20.718.015.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	2.929.000.000	3.761.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	9.029.000.000	9.804.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Nhà Golden Land	5.255.657.828	3.310.267.580
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	-	14.097.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	-	8.193.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	1.518.000.000	5.554.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star	6.045.000.000	4.891.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.724.690.912	12.527.737.078
	41.125.563.740	82.856.519.658
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	25.197.395.055	55.193.605.055

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Cơ khí Quang Minh	4.011.916.979	-	4.011.916.979	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Linezone Việt Nam	3.800.000.000	-	3.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư V.I.P Land	3.132.000.000	-	3.132.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Nội thất Thủ đô	2.038.005.705	-	2.038.005.705	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	10.000.000.000	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	5.461.316.274	-	6.123.349.689	-
	28.443.238.958	-	19.105.272.373	-

b) Dài hạn

- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HPLand (*)	229.750.000.000	-	252.750.000.000	-
	229.750.000.000	-	252.750.000.000	-

(*) Tạm ứng tiền thi công xây dựng công trình Dự án tổ hợp Công trình hỗn hợp cao tầng thuộc Dự án Trung tâm thương mại Dịch vụ Nhà ở Golden Land Building tại số 275 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 15/2/2016/GoldenLand ngày 15/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HPLand.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/04/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Dự thu lãi tiền gửi	2.291.334.511	-	1.992.831.310	-
- Tạm ứng cho người lao động	673.217.958	-	711.830.082	-
- Phải thu tiền tạm ứng người lao động đã nghỉ việc	141.450.500	-	141.450.500	-
- Phải thu Trung tâm phát triển Quỹ đất quận Ngô Quyền về tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Chung cư Lê	17.132.703.344	-	-	-
- Phải thu khác	995.122.065	-	27.787.068	-
	21.233.828.378	-	2.873.898.960	-

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	-	-	86.978.531.071	-
- Nguyên liệu, vật liệu	2.653.506.593	-	1.242.557.912	-
- Công cụ, dụng cụ	123.882.409	-	64.479.162	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	378.920.878.601	-	401.013.988.926	-
- Thành phẩm	263.790.784.390	-	31.835.592.595	-
- Hàng hóa	61.214.671.970	-	12.850.538.096	-
- Hàng gửi bán	6.400.848.897	-	105.764.936.393	-
	713.104.572.860	-	639.750.624.155	-

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Dự án Chung cư Golden Land Building:

	30/06/2017	01/04/2017
Công trình tòa nhà N01	236.106.208.608	259.965.659.094
Công trình tòa nhà N02	23.899.789.007	23.644.095.425
Công trình Trung tâm thương mại	118.914.880.986	117.404.234.407
	378.920.878.601	401.013.988.926

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Công trình xây dựng và cải tạo Chung cư Đồng Quốc Bình, Hải Phòng	1.334.384.091	-
+ Công trình xây dựng Chung cư tại Lê Lợi - Hải Phòng	4.616.987.265	658.147.271
	5.951.371.356	658.147.271

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCĐ dùng trong quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	40.136.565.238	2.210.114.096	8.663.227.727	994.358.498	75.909.500	52.080.175.059						
Số dư cuối kỳ	40.136.565.238	2.210.114.096	8.663.227.727	994.358.498	75.909.500	52.080.175.059						
Hao mòn TSCĐ												
Số dư đầu năm	19.271.671.455	2.157.212.143	6.009.040.341	569.645.531	44.280.542	28.051.850.012						
Số tăng trong kỳ	390.137.578	9.492.495	211.660.827	42.969.258	9.488.688	663.748.846						
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>390.137.578</i>	<i>9.492.495</i>	<i>211.660.827</i>	<i>42.969.258</i>	<i>9.488.688</i>	<i>663.748.846</i>						
Số dư cuối kỳ	19.661.809.033	2.166.704.638	6.220.701.168	612.614.789	53.769.230	28.715.598.858						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	20.864.893.783	52.901.953	2.654.187.386	424.712.967	31.628.958	24.028.325.047						
Tại ngày cuối kỳ	20.474.756.205	43.409.458	2.442.526.559	381.743.709	22.140.270	23.364.576.201						

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

13.029.154.251 đồng

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Số dư cuối kỳ	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.907.981.229	111.896.190	3.019.877.419
- Khấu hao trong kỳ	49.709.082	-	49.709.082
Số dư cuối kỳ	2.957.690.311	111.896.190	3.069.586.501
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	53.309.508.471	-	53.309.508.471
Tại ngày cuối kỳ	53.259.799.389	-	53.259.799.389

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	195.000.000.000	461.324.100.544	656.324.100.544
Số dư cuối kỳ	195.000.000.000	461.324.100.544	656.324.100.544
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	22.968.151.558	22.968.151.558
- Khấu hao trong kỳ	-	2.884.015.072	2.884.015.072
Số dư cuối kỳ	-	25.852.166.630	25.852.166.630
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	195.000.000.000	438.355.948.986	633.355.948.986
Tại ngày cuối kỳ	195.000.000.000	435.471.933.914	630.471.933.914

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/04/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Quản lý nhà Golden Land	1.552.310.594	1.552.310.594	542.583.379	542.583.379
- Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	307.732.877	307.732.877	12.697.827.651	12.697.827.651
- Công ty Cổ phần Hawee Cơ điện	5.910.022.192	5.910.022.192	24.494.339.716	24.494.339.716
- Phải trả các đối tượng khác	5.215.778.603	5.215.778.603	5.172.542.535	5.172.542.535
	12.985.844.266	12.985.844.266	42.907.293.281	42.907.293.281

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Ô tô Quốc Tuấn	2.750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	2.766.000.000	-
- Navistar, Inc	10.442.312.225	7.658.912.225
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn	-	1.400.000.000
- Tiền ứng trước theo tiến độ của khách hàng mua căn hộ chung cư	22.008.595.360	41.341.850.784
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	5.354.208.059	3.558.304.332
	43.321.115.644	53.959.067.341

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.885.052.589	1.051.561.694	3.936.614.283	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	30.111.982.425	32.353.833.508	31.498.874.347	-	30.966.941.586
- Thuế thu nhập cá nhân	-	163.863.598	34.843.182	194.092.734	15.542.939	20.156.985
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	-	415.078.372	415.078.372	-
- Các loại thuế khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-
	3.000.000	33.160.898.612	33.443.238.384	36.044.659.736	430.621.311	30.987.098.571

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Chi phí công trình đã ký hợp đồng và đang thực hiện tại dự án Chung cư Golden Land	9.777.103.131	24.793.509.060
- Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà Văn phòng cho thuê tại 183, Bà Triệu Hà Nội	3.743.188.343	4.586.993.544
	13.520.291.474	29.380.502.604

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	463.565.000	317.067.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	11.921.517.071	2.031.018.529
+ <i>Phải trả Ban quản lý Chung cư Golden Land tiền phí bảo trì thu hộ</i>	2.303.876.638	2.031.018.529
+ <i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	9.617.640.433	-
	12.385.082.071	2.348.085.529
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược thuê mặt bằng, tài sản	4.501.382.170	4.501.382.170
- Nhận ký quỹ đảm bảo thực hiện thi công Tòa Trung tâm Thương mại Chung cư Golden Land của Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HP Land	41.250.000.000	41.250.000.000
	45.751.382.170	45.751.382.170

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận trước	3.545.782.947	4.393.329.104
- Lãi bán hàng nội bộ cho Công ty liên kết chưa thực hiện	1.383.282.205	3.981.304.146
	4.929.065.152	8.374.633.250

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	1.200.000.000.000	-	19.629.480.696	1.219.629.480.696
Tăng vốn trong kỳ trước	2.099.945.720.000	-	-	2.099.945.720.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	162.427.060	162.427.060
Điều chỉnh tỷ lệ kiểm soát giữa Công ty mẹ và Cổ đông không kiểm soát	-	6.341.507.453	(19.751.157.453)	(13.409.650.000)
Giảm khác	-	-	(9.600.000)	(9.600.000)
Số dư cuối kỳ trước	3.299.945.720.000	6.341.507.453	31.150.303	3.306.318.377.756
Số dư đầu kỳ nay	3.629.940.140.000	797.867.217.389	34.301.813	4.427.841.659.203
Lãi trong kỳ này	-	141.124.702.055	364.307	141.125.066.362
Giảm khác	-	(1.261.026.250)	-	(1.261.026.250)
Số dư cuối kỳ này	3.629.940.140.000	937.730.893.194	34.666.120	4.567.705.699.315

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	1.510.836.250.000	41,62%	1.510.836.250.000	41,62%
Ông Đỗ Hữu Hậu	181.500.000.000	5,00%	181.500.000.000	5,00%
Cổ đông khác	1.937.603.890.000	53,38%	1.937.603.890.000	53,38%
	3.629.940.140.000	100,00%	3.629.940.140.000	100,00%

c) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/04/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	362.994.014	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	362.994.014	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	362.994.014	362.994.014
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/06/2017	01/04/2017
Đô la Mỹ	USD	1.577,81	1.618,68
Euro	EUR	8,95	8,95

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.335.854.546	5.181.859.250
Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	9.304.818.180	9.390.000.000
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	553.388.859.069	69.369.090.921
Doanh thu kinh doanh bất động sản	36.735.981.626	39.805.998.828
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.319.424.235	6.669.091.200
	613.084.937.656	130.416.040.199
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	<u>508.742.809.197</u>	<u>19.583.136.363</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa	3.230.775.681	4.646.411.796
Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán	6.645.403.550	7.695.789.807
Giá vốn của ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện đã bán	409.277.440.625	69.923.292.493
Giá vốn kinh doanh bất động sản	22.389.534.292	25.601.791.783
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.768.286.477	1.132.701.183
	447.311.440.625	108.999.987.062

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	5.398.481.978	4.130.409.947
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.912.720	-
	5.408.394.698	4.130.409.947

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	268.659.780	453.019.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.702.359.299	820.533.571
	1.971.019.079	1.273.552.627

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	1.969.761.005	1.330.603.494
Chi phí khấu hao tài sản cố định	766.686.609	1.815.135.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.001.630.417	1.301.844.229
Chi phí khác bằng tiền	137.836.712	299.926.000
	5.875.914.743	4.747.509.374

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy - Công ty mẹ	29.002.687.384	994.829.868
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Công ty con	3.351.146.124	2.920.532.900
	32.353.833.508	3.915.362.768

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	141.124.702.055	182.613.282.545
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	141.124.702.055	182.613.282.545
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	362.994.014	120.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	389	1.522

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	455.045.914.737	-	527.522.459.306	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	62.359.392.118	-	85.730.418.618	-
Các khoản cho vay	151.000.000.000	-	39.200.000.000	-
	712.355.306.855	-	696.402.877.924	-

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2017	01/04/2017
Nợ phải trả tài chính	VND	VND
Vay và nợ	5.000.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	71.122.308.507	91.006.760.980
Chi phí phải trả	13.520.291.474	29.380.502.604
	89.642.599.981	120.387.263.584

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	455.045.914.737	-	-	455.045.914.737
Phải thu khách hàng, phải thu khác	62.359.392.118	-	-	62.359.392.118
Các khoản cho vay	151.000.000.000	-	-	151.000.000.000
	668.405.306.855	-	-	668.405.306.855
Tại ngày 01/04/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	527.522.459.306	-	-	527.522.459.306
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.730.418.618	-	-	85.730.418.618
	613.252.877.924	-	-	613.252.877.924

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.370.926.337	45.751.382.170	-	71.122.308.507
Chi phí phải trả	13.520.291.474	-	-	13.520.291.474
	43.891.217.811	45.751.382.170	-	89.642.599.981
Tại ngày 01/04/2016				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	45.255.378.810	45.751.382.170	-	91.006.760.980
Chi phí phải trả	29.380.502.604	-	-	29.380.502.604
	74.635.881.414	45.751.382.170	-	120.387.263.584

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	95.156.363.661	30.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	62.014.545.464	30.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	15.967.081.823	4.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	16.270.909.093	
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	30.254.545.465	
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	198.524.545.502	11.041.818.181
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	9.354.818.180	8.476.818.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	33.012.727.283	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	48.187.272.726	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Mối quan hệ	30/06/2017 VND	01/04/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	6.624.215.000	20.718.015.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	9.029.000.000	9.804.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	2.278.580.056	1.433.790.056
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	1.518.000.000	5.554.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	-	8.193.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	2.929.000.000	3.761.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	392.099.999	2.101.799.999
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	-	2.426.500.000	3.627.500.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	1.169.499.999	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	2.766.000.000	-

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2017



Đỗ Hữu Hạ